UBND TỈNH QUẢNG TRỊ

Biểu số 48/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 3507/QĐ-UBND ngày 30 /12/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		TỔNG THU NSNN	THU NSĐP
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		
I	**Thu nội địa**	**3.400.000**	**3.139.000**
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	240.000	240.000
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	45.000	45.000
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	55.000	55.000
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.048.000	1.048.000
5	Thuế thu nhập cá nhân	215.000	215.000
6	Thuế bảo vệ môi trường	450.000	270.000
-	*Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước*	*270.000*	*270.000*
-	*Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu*	*180.000*	
7	Lệ phí trước bạ	246.000	246.000
8	Thu phí, lệ phí	80.000	58.000
-	*Phí và lệ phí trung ương*	*22.000*	
-	*Phí và lệ phí địa phương*	*37.110*	*37.110*
-	*Phí và lệ phí huyện*	*20.890*	*20.890*
-	*Phí và lệ phí xã, phường*		
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.000	6.000
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	33.000	33.000
12	Thu tiền sử dụng đất	800.000	800.000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	40.000	40.000
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	18.000	11.000
16	Thu khác ngân sách	110.000	58.000
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	6.000	6.000
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	8.000	8.000
II	**Thu từ dầu thô**		
III	**Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu**	**650.000**	
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	540.000	
2	Thuế xuất khẩu	92.000	
3	Thuế nhập khẩu	7.000	
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu		
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	9.000	
6	Thu khác	2.000	
IV	**Thu viện trợ**		